

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST  
Ngày 16 tháng 9 năm 2022  
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng  
cho thuê tài chính*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Văn Trung**.

2/ Ông **Lê Tấn Phát**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Nhiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2022/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty Cho thuê tài chính C**

Địa chỉ trụ sở: Số 3, đường T, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Người đại diện theo pháp luật: Ông W - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

\* Người đại diện hợp pháp (văn bản ủy quyền số: 91.2022/GUQ-COL ngày 13/4/2022): Anh **Nguyễn H**, sinh năm 1995 - Chức vụ: Phó trưởng phòng thu hồi công nợ; Địa chỉ: Số 3, đường T, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh - (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

**2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E**

Địa chỉ trụ sở: Số 5, đường T, khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

\* Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Lê P** - Chức vụ: Giám đốc - (vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Lê P**, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 19, khu phố H, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh - (vắng mặt).

- Ông **Võ Đặng Bảo P**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 4, khu phố H, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh - (vắng mặt).

- **Công ty TNHH T**; địa chỉ trụ sở: Ấp P, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đặng Bảo Ph - Chức vụ: Giám đốc - (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2022 của công ty Cho thuê tài chính C và lời trình bày của anh Nguyễn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:*

Công ty Cho thuê tài chính C là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH E là khách hàng thuê tài chính của công ty C.

Do có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nên ngày 16/7/2021 Công ty cho thuê tài chính C có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C2107154B2 với công ty TNHH E. Tài sản mà công ty E có nhu cầu thuê tài chính gồm:

- 02 máy ép gạch Terrazzo;
- 01 máy mài 4 đầu;
- 01 máy trộn liệu 500L;
- 01 phễu liệu khoang và vít tải liệu;
- 01 máy nén khí 20HP;
- 01 máy sàng cát (phễu liệu và máy sàng);
- 01 hệ thống đổ đan bê tông trại heo công nghệ Mỹ (bao gồm: 01 cổng trục, 01 hệ thống lật xoay khuôn, 01 khuôn đan, 01 máy rung).

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê, công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Lê P và ông Võ Đặng Bảo P, Thư bảo lãnh của công ty TNHH T do ông Võ Đặng Bảo Ph, chức vụ Giám đốc - là người đại diện theo pháp luật của công ty, các Thư bảo lãnh được lập cùng ngày 16/7/2021 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê.

Để thực hiện hợp đồng thuê, công ty C đã ký hợp đồng mua bán số C2107154B2-PC ngày 16/7/2021 để mua tài sản cho Công ty E thuê. Công ty E đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty C. Sau đó, công ty E đã ký giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê để chấp nhận các tài sản thuê nêu trên. Tổng giá trị các tài sản thuê là 1.630.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng), trong đó công ty E trả trước 652.000.000 đồng, công ty C tài trợ vốn là 978.000.000 đồng (giá trị thuê).

Hàng tháng, công ty E phải thanh toán cho công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi công ty E trả hết toàn bộ vốn gốc và các khoản lãi, công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu... đối với tài sản thuê.

Căn cứ theo Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu công ty E vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, bị mất khả năng thanh toán hay vi bất cứ điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, thì công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu công ty E bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể trong các Thông báo bắt đầu thuê mà công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê, công ty E thường xuyên thanh toán không đúng hạn mặc dù công ty C đã nhiều lần yêu cầu công ty E thanh toán.

Do công ty E đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, nên vào ngày 07/3/2022 công ty C đã phát hành thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu công ty E thanh toán tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 11/3/2022 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.159.896.793 đồng. Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, công ty C đã nhiều lần liên hệ với công ty E để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên cho đến nay phía công ty E vẫn chưa thực hiện việc thanh toán cho công ty C.

Ngày 16/3/2022, công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Nguyễn Lê P và ông Võ Đăng Bảo Ph thanh toán theo nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông P và ông Ph vẫn chưa thanh toán số tiền mà công ty E còn nợ công ty C.

Ngày 22/3/2022, công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu công ty TNHH T thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh mà công ty đã ký nhưng đến nay công ty TNHH T vẫn chưa thanh toán số tiền mà công ty E còn nợ công ty C.

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/4/2022 công ty cho thuê tài chính C yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Buộc công ty TNHH E thanh toán số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 08/4/2022 là 1.165.483.980 đồng, trong đó gồm:

- + Nợ gốc là 931.428.572 đồng;
- + Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 11/3/2022 là 228.468.221 đồng;
- + Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 12/3/2022 đến ngày 08/4/2022 là 5.587.187 đồng.

- Buộc công ty E thanh toán cho công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 09/4/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp không thanh toán được số tiền thuê còn nợ, buộc công ty E giao trả tài sản thuê để công ty C xử lý, thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán tiền còn nợ hoặc công ty E không giao trả tài sản thuê thì buộc ông Nguyễn Lê P, ông Võ Đăng Bảo Ph và công ty TNHH T liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho công ty C theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Ngày 02/8/2022 công ty C có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc công ty TNHH E thanh toán số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 02/8/2022 là 926.326.277 đồng, trong đó gồm:

+ Nợ gốc là 745.142.860 đồng;

+ Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 11/3/2022 là 156.470.688 đồng;

+ Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 12/3/2022 đến ngày 02/8/2022 là 24.712.729 đồng.

- Buộc công ty E thanh toán cho công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 03/8/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp công ty E không thanh toán được số tiền trên thì buộc ông Nguyễn Lê P, ông Võ Đăng Bảo Ph và công ty TNHH T liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ cho công ty Cho thuê tài chính C theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Công ty C không yêu cầu công ty E giao trả tài sản thuê cho công ty C để xử lý, thu hồi nợ trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Lê P và ông Võ Đăng Bảo Ph nhưng không ai đến, nên không lấy được lời khai của ông P và ông Ph.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty Cho thuê tài chính C, buộc công ty TNHH E có nghĩa vụ trả số tiền thuê còn nợ và tiền lãi tính đến ngày 02/8/2022 tổng cộng là 926.326.277 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/8/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tính trên nợ gốc cho đến khi công ty E thanh toán hết số

tiền thuê còn nợ. Trường hợp công ty E không trả số tiền thuê thì buộc ông Nguyễn Lê P, ông Võ Đăng Bảo Ph và công ty TNHH T có nghĩa vụ liên đới trả. Án phí tính theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Lê P là người đại diện hợp pháp của bị đơn và ông Võ Đăng Bảo Ph là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H, ông P, ông Ph.

*[2] Về quan hệ tranh chấp:* Ngày 16/7/2021 công ty Cho thuê tài chính C và công ty TNHH E có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính. Do công ty E không trả tiền thuê là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên công ty C khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính, áp dụng tương tự tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản được quy định tại Điều 472 của Bộ luật Dân sự.

*[3] Về nội dung vụ án:*

3.1 Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số C2107154B2 đã được ký kết ngày 16/7/2021 giữa bên cho thuê là công ty Cho thuê tài chính C và bên thuê là công ty TNHH E, nên công ty C đã mua các máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty E có nhu cầu thuê. Ngày 20/7/2021 công ty E có văn bản xác nhận đã nghiệm thu tài sản thuê của công ty C theo hợp đồng thuê đã ký kết, thời hạn thuê là 42 tháng kể từ ngày 30/7/2021, phương thức thanh toán tiền thuê hàng tháng trả sau. Tuy nhiên, công ty E không trả đầy đủ tiền thuê hàng tháng cho công ty C, chỉ trả đến tháng 10 năm 2021 thì ngưng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ Điều 26.2.4 Hợp đồng cho thuê tài chính số C2107154B2 ký ngày 16/7/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 16/7/2021, công ty C đã ra Thông báo số: 01.2022/TB-EUROTILES ngày 07/3/2022 gửi công ty E thông báo về việc “Chấm dứt hợp đồng cho thuê và thu hồi tài sản thuê” và Thông báo số: 0580/2203-CRA-DB-TER ngày 11/3/2022 đề nghị thanh toán tiền thuê nhưng phía công ty E vẫn chưa thanh toán. Căn cứ vào các điều khoản trong hợp đồng cho thuê tài chính mà hai bên đã ký kết ngày 16/7/2021 kèm Phụ lục hợp đồng, nên cần buộc công ty E có nghĩa vụ trả tiền thuê, lãi thuê cho công ty C tính đến ngày 02/8/2022 tổng số tiền 926.326.227 đồng là có cơ sở.

3.2 Khi công ty cho thuê tài chính C có ký hợp đồng cho thuê tài chính số C2107154B2 ngày 16/7/2021 với Công ty TNHH E và Phụ lục Hợp đồng số 01 thì công ty TNHH T, ông Nguyễn Lê P và ông Võ Đăng Bảo Ph đã ký “Thư bảo lãnh” cùng ngày 16/7/2021, đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên thuê đối với bên cho thuê với số tiền bảo lãnh bằng các khoản tiền bên thuê phải trả theo hợp đồng cho thuê. Căn cứ các Điều 335, 342 của Bộ luật Dân sự, trường hợp công ty TNHH E không trả số tiền thuê thì buộc ông Nguyễn Lê P, ông Võ Đăng Bảo Ph và công ty TNHH T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho công ty C.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của công ty C đối với công ty E về việc đòi tiền thuê tài chính là có cơ sở chấp nhận.

3.3 Do công ty C không yêu cầu công ty E giao trả tài sản thuê, nên không đặt ra giải quyết.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 472, 481, 335, 336, 338, 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty Cho thuê tài chính C đối với công ty TNHH E về việc đòi tiền nợ trong hợp đồng cho thuê tài chính.

Buộc công ty TNHH E có nghĩa vụ trả cho công ty Cho thuê tài chính C số tiền cho thuê tài chính còn nợ và tiền lãi tính đến ngày 02/8/2022 tổng cộng là **926.326.277** đồng (chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/8/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tính trên nợ gốc cho đến khi công ty TNHH E thanh toán hết số tiền thuê còn nợ. Trường hợp công ty TNHH E không trả số tiền thuê thì buộc ông Nguyễn Lê P, ông Võ Đặng Bảo Ph và công ty TNHH T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho công ty Cho thuê tài chính C.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**2.** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH E phải chịu 39.790.000 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho công ty Cho thuê tài chính C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.483.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000958 ngày 06 tháng 5 năm 2022.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS TP.Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án<sub>(D)</sub>.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Duyên**